

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 03/6/2019 về việc thay đổi trụ sở làm việc của Công ty từ Tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội về địa chỉ tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt của Công ty: IDJ Investment., JSC

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên
	Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên
	Ông Hán Kông Khanh	Thành viên
	Bà Lê Thị Quy	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc
-------------------	-----------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Số: 705 /2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, được lập ngày 19 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 34 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ cho bên liên quan và lợi nhuận gộp của giao dịch đó do công ty kiểm toán chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được nội dung và giá trị của giao dịch tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán.



Đình Văn Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	MS	TM	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		286.400.910.919	221.216.275.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	46.062.558.227	12.770.687.001
1. Tiền	111		14.048.544.528	2.270.687.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.014.013.699	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.600.091.000	11.512.500.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	11.212.500.000	11.212.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	27.387.591.000	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.406.775.683	181.232.911.225
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	89.118.852.565	161.628.621.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	44.932.800.027	14.497.442.028
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	54.152.414.438	18.904.139.302
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(13.797.291.347)	(13.797.291.347)
IV. Hàng tồn kho	140		23.223.535.181	14.375.153.463
1. Hàng tồn kho	141	5.8	23.223.535.181	14.375.153.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.107.950.828	1.325.023.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	873.423.558	1.325.023.876
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.234.527.270	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		553.940.617.858	222.428.455.535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		752.286.071	6.648.947.071
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	752.286.071	6.648.947.071
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	-	-
- Nguyên giá	222		1.139.174.758	1.139.174.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.139.174.758)	(1.139.174.758)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	119.046.419.295	120.615.743.511
1. Nguyên giá	231		146.731.814.195	146.731.814.195
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.685.394.900)	(26.116.070.684)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	212.622.866.194	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		212.622.866.194	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	193.987.300.009	89.633.770.638
1. Đầu tư vào công ty con	251		144.224.774.016	35.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		51.397.485.100	60.417.485.100
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		990.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.624.959.107)	(5.783.714.462)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.531.746.289	5.529.994.315
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	27.531.746.289	5.529.994.315
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		840.341.528.777	443.644.731.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	MS	TM	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		510.203.086.743	115.289.182.105
I. Nợ ngắn hạn	310		235.296.535.229	110.232.426.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	59.489.339.040	64.258.468.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	60.801.014.794	23.987.242.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.703.138.545	10.885.778.872
4. Phải trả người lao động	314		242.267.360	327.069.670
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	823.673.523	417.666.667
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	1.220.273.637	1.344.996.788
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	2.719.460.654	427.516.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	107.613.823.800	7.900.143.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		683.543.876	683.543.876
II. Nợ dài hạn	330		274.906.551.514	5.056.756.097
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	274.906.551.514	5.056.756.097
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.138.442.034	328.355.548.995
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	330.138.442.034	328.355.548.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		326.000.000.000	326.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.615.442.034	832.548.995
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		832.548.995	(52.806.488.248)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.782.893.039	53.639.037.243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		840.341.528.777	443.644.731.100
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lã Thị Quy



Lã Thị Quy



Nguyễn Hoàng Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	78.638.233.363	121.436.848.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		78.638.233.363	121.436.848.140
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	74.886.054.314	117.373.943.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.752.179.049	4.062.904.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	1.658.329.222	423.586.013
7. Chi phí tài chính	22	5.25	445.597.417	89.804.223
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		445.597.417	89.804.223
8. Chi phí bán hàng	25	5.26	114.534.350	132.735.397
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	2.621.909.401	1.933.135.520
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.228.467.103	2.330.815.462
11. Thu nhập khác	31	5.27	94.550.000	110.423.851
12. Chi phí khác	32	5.27	75.520.643	869.345
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.27	19.029.357	109.554.506
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.247.496.460	2.440.369.968
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	464.603.421	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.782.893.039	2.440.369.968

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lã Thị Quy



Lã Thị Quy




Nguyễn Hoàng Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.247.496.460	2.440.369.968
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.569.324.216	1.569.324.216
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.658.329.222)	(423.586.013)
- Chi phí lãi vay	06	445.597.417	38.353.131
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.604.088.871	3.624.461.302
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.616.269.272	(54.114.216.435)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(221.471.247.912)	(14.297.653.463)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	298.595.599.486	43.504.011.640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(21.550.151.656)	78.992.373
- Tiền lãi vay đã trả	14	(863.264.084)	(38.353.131)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.917.086.418)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.014.207.559	(21.242.757.714)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.087.591.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	12.288.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(108.630.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	281.573.867	423.586.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(135.436.017.133)	9.711.586.013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ cho vay	33	207.206.910.664	24.635.656.479
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107.493.229.864)	(20.669.601.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	99.713.680.800	3.966.054.744
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	33.291.871.226	(7.565.116.957)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.770.687.001	12.609.424.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	46.062.558.227	5.044.307.796

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lã Thị Quy



Lã Thị Quy




Nguyễn Hoàng Linh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 03/6/2019 về việc thay đổi trụ sở làm việc của Công ty từ Tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội về địa chỉ tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102186593 ngày 19/06/2015 là 326.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt của Công ty: **IDJ Investment., JSC**

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: **IDJ**

Số lao động bình quân trong kỳ: 23 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường));
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện));

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện)
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyên gia công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));
- Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: Thoát nước, xử lý nước thải);
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu thụ rác thải không độc hại (Chi tiết: Xử lý và tiêu thụ rác thải y tế, Xử lý và tiêu thụ rác thải độc hại khác);
- Xử lý và tiêu thụ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu (Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại, Xử lý và tiêu thụ rác thải độc hại khác);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Cho thuê ngắn hạn, dài hạn Văn phòng và đầu tư kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2019, Công ty có công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Khách sạn, du lịch	99,91%	99,91%
- Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	Đang tạm ngừng hoạt động in, tìm kiếm cơ hội đầu tư	90,91%	90,91%
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ – AEC	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao	22,33%	22,33%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Cung cấp dịch vụ giáo dục	33,58%	33,58%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Việt Hàn	Dịch vụ tiệc cưới, nhà hàng	28,5%	28,5%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Kinh doanh bất động sản	40%	40%

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ru đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Cho kỳ kết toán
6 tháng kết thúc
Ngày 30/6/2019
Thời gian khấu hao
(Số năm)

Phương tiện vận tải
Thiết bị văn phòng

06
03

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí dịch vụ tại trung tâm thương mại.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Một là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội; hai là hoạt động xây dựng công trình và đầu tư bất động sản nên Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho thuê VP, TTTM và Xây dựng, bất động sản.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	685.028.156	12.000.600
Tiền gửi ngân hàng	13.363.516.372	2.258.686.401
Các khoản tương đương tiền	32.014.013.699	10.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	32.014.013.699	10.500.000.000
Tổng	46.062.558.227	12.770.687.001

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.2 Chứng khoán kinh doanh*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư chứng khoán kinh doanh	11.212.500.000	-	-	11.212.500.000	-	-
<i>Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA (1)</i>	<i>3.912.500.000</i>	-	-	<i>3.912.500.000</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Dream Works (2)</i>	<i>7.300.000.000</i>			<i>7.300.000.000</i>		
Tổng	11.212.500.000	(*)	-	11.212.500.000	(*)	-

(1) Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA, số lượng cổ phần: 391.250 Cổ phần.

(2) Theo Biên bản họp hội đồng Quản trị ngày 20/11/2018 quyết định giao cho Tổng Giám đốc lựa chọn thời điểm phù hợp để bán toàn bộ 7.300.000 Cổ phần Công ty Cổ phần Dream Words mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	27.387.591.000	27.387.591.000	300.000.000	300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.087.591.000	27.087.591.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác (**)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng	27.387.591.000	27.387.591.000	300.000.000	300.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/08/2012 khu vui chơi Funworld.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	89.118.852.565	161.628.621.242
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ	-	5.218.619.807
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	81.803.566.276	149.870.595.277
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	721.884.250	721.884.250
Công ty Cổ phần Apec Land Huế	1.631.708.900	1.470.124.751
Một số đối tượng khác	4.961.693.139	4.347.397.157
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	81.803.566.276	149.870.595.277
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	721.884.250	721.884.250
Công ty Cổ phần Apec Land Huế	1.631.708.900	1.470.124.751
Tổng	89.118.852.565	161.628.621.242

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	18.134.831.028	11.883.749.205
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại An Đạt Phú	13.627.865.191	-
Đối tượng khác	13.170.103.808	2.613.692.823
	44.932.800.027	14.497.442.028

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	54.152.414.438	(10.129.382.453)	18.904.139.302	(10.129.382.453)
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	9.914.418.653	(9.914.418.653)	9.914.418.653	(9.914.418.653)
- Phải thu khác	278.504.501	(214.963.800)	281.904.012	(214.963.800)
- Tạm ứng	29.528.120.407	-	7.505.529.366	-
- Công ty CP Đầu Tư Hồng Dương Lương Sơn (*)	14.431.370.877	-	1.202.287.271	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty CP Đầu Tư Hồng Dương Lương Sơn	14.431.370.877	-	1.202.287.271	-
Dài hạn	752.286.071	-	6.648.947.071	-
- Ký cược, ký quỹ	452.286.071	-	6.348.947.071	-
- Cho mượn	300.000.000	-	300.000.000	-
Tổng	54.904.700.509	(10.129.382.453)	25.553.086.373	(10.129.382.453)

(*) Thu tiền hỗ trợ sản xuất kinh doanh 1.292.751.070 đồng; Thu tiền theo biên bản bù trừ Công nợ giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn, và một số cá nhân số tiền là 13.138.619.807 đồng với nội dung: Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam bán cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset cho các cá nhân, đồng thời Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn mua tài sản của cá nhân.

5.7 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	13.797.291.347	-	13.797.291.347	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	-	-	-	9.914.418.653
Các đối tượng khác	-	-	-	3.882.872.694
Tổng				13.797.291.347

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	23.223.535.181	-	14.375.153.463	-
Tổng	23.223.535.181	-	14.375.153.463	-

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	873.423.558	1.325.023.876
Chi phí dịch vụ tại TTTM	-	445.244.010
Chi phí thuê Văn phòng, TTTM	873.423.558	879.779.866
Dài hạn	27.531.746.289	5.529.994.315
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	3.971.674.226	4.024.047.952
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.486.346.193	1.505.946.363
Chi phí Dự án chờ phân bổ	22.073.725.870	-
Tổng	28.405.169.847	6.855.018.191

5.10 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	633.472.009	505.702.749	1.139.174.758
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	633.472.009	505.702.749	1.139.174.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	633.472.009	505.702.749	1.139.174.758
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	633.472.009	505.702.749	1.139.174.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	-	-	-
Tại 30/6/2019	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại 30/6/2019 là 1.139.174.758 đồng (Tại 01/01/2019 là 1.139.174.758 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	212.622.866.194	212.622.866.194	-	-
Dự án Hải Tân (1)	14.535.707.781	14.535.707.781	-	-
Dự án Xây dựng Công trình Thương mại Dịch vụ Mũi Né Bình Thuận (2)	46.628.866.819	46.628.866.819	-	-
Dự án Diamond Park Lạng Sơn (3)	151.458.291.594	151.458.291.594	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Tổng	212.622.866.194	212.622.866.194	-	-

(1) Dự án xây dựng nhà thấp tầng và Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê 15 tầng nổi và 1 tầng hầm trên 1.540 m² đất tại phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(2) Dự án xây dựng Công trình thương mại dịch vụ trên tổng diện tích đã trúng thầu là 45.876,4 m², thời hạn sử dụng đất 50 năm.

(3) Dự án bao gồm: Đất ở liền kề (nhà phố shophouse) 20.620 m²; Thương mại dịch vụ: 9.825 m² gồm: Đất hỗn hợp (dịch vụ thương mại+ khách sạn+chung cư) là 9.483 m², đất dịch vụ thương mại: 342 m².

5.12 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	146.731.814.195	-	-	146.731.814.195
- Nhà và quyền sử dụng đất	146.731.814.195	-	-	146.731.814.195
Giá trị hao mòn lũy kế	26.116.070.684	1.569.324.216	-	27.685.394.900
- Nhà và quyền sử dụng đất	26.116.070.684	1.569.324.216	-	27.685.394.900
Giá trị còn lại	120.615.743.511	-	1.569.324.216	119.046.419.295
- Nhà và quyền sử dụng đất	120.615.743.511	-	1.569.324.216	119.046.419.295

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		144.224.774.016	-	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	99,91%	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên (1)	90,91%	109.224.774.016	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết Đầu tư vào Công ty liên kết		51.397.485.100	(2.273.986.290)	60.417.485.100 (5.783.714.462)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội Academy	22,33%	42.446.485.100	-	42.446.485.100
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	45%	-	-	9.900.000.000 (3.509.728.172)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	33,58%	2.371.000.000	(2.273.986.290)	2.371.000.000 (2.273.986.290)
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Việt Hàn	28,50%	5.700.000.000	-	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai (2)	40%	880.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		990.000.000	(350.972.817)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	4,50%	990.000.000	(350.972.817)	-
Tổng		196.612.259.116	(2.624.959.107)	95.417.485.100 (5.783.714.462)

(1) Công ty đầu tư mua 51% vốn của Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, sau đó tăng vốn và tỷ lệ chiếm giữ sau khi tăng vốn là 90,91%.

(2) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai. Tổng vốn góp điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh là 650 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam góp 40% tương ứng là 260 tỷ đồng.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tình giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị dự phòng được trích lập trên khoản lỗ tại Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư theo phương pháp vốn chủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	59.489.339.040	59.489.339.040	64.258.468.420	64.258.468.420
Công ty cổ phần Xây dựng số 2	44.903.355.797	44.903.355.797	60.069.984.289	60.069.984.289
Phải trả người bán ngắn hạn khác	14.585.983.243	14.585.983.243	4.188.484.131	4.188.484.131
Tổng	59.489.339.040	59.489.339.040	64.258.468.420	64.258.468.420

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương	55.928.159.908	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Apec Land Huế	4.872.854.500	1.987.241.879
Đối tượng khác	386	386
Tổng	60.801.014.794	23.987.242.265

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2019
	Phải nộp	10.885.778.872	623.021.899	9.805.662.226
Thuế giá trị gia tăng	5.927.514.230	(1.094.546.009)	4.814.475.193	18.493.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.917.086.418	464.603.421	4.917.086.418	464.603.421
Thuế thu nhập cá nhân	41.178.224	1.249.964.487	71.100.615	1.220.042.096
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	823.673.523	417.666.667
Chi phí lãi vay	-	417.666.667
Phí dịch vụ tòa nhà TTTM	823.673.523	-
Dài hạn	-	-
Tổng	823.673.523	417.666.667

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.220.273.637	1.344.996.788
Doanh thu nhận trước (Cho thuê văn phòng và trung tâm thương mại)	1.220.273.637	1.344.996.788
Tổng	1.220.273.637	1.344.996.788

5.19 Phải trả khác

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	2.719.460.654	427.516.450
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	22.170.188	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.740.000	412.740.000
Phải trả, phải nộp khác	2.151.550.466	14.776.450
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Việt Hàn	130.000.000	-
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan</i>		-
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Việt Hàn	130.000.000	-
Dài hạn	274.906.551.514	5.056.756.097
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn trong đó:	274.906.551.514	5.056.756.097
<i>Dự án khu du lịch Mũi Né Bình Thuận (*)</i>	<i>251.916.749.422</i>	-
<i>Dự án Hải Tân (*)</i>	<i>10.792.820.955</i>	-
<i>Khoản khác</i>	<i>12.196.981.137</i>	<i>5.056.756.097</i>
Tổng	277.626.012.168	5.484.272.547

(*) Thu tiền từ hợp đồng góp vốn thực hiện dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: VND	
					Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a. Vay						
Vay ngắn hạn	107.613.823.800	107.613.823.800	207.206.910.664	107.493.229.864	7.900.143.000	7.900.143.000
Thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tràng An (1)	9.873.823.800	9.873.823.800	59.001.100.000	52.527.415.200	3.400.143.000	3.400.143.000
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương Bắc Ninh	-	-	19.965.810.664	24.465.810.664	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	97.740.000.000	97.740.000.000	97.740.000.000	-	-	-
Nguyễn Quang Huy	-	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	-
Lục Thanh Tùng	-	-	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	107.613.823.800	107.613.823.800	207.206.910.664	107.493.229.864	7.900.143.000	7.900.143.000

(1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tràng An theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2019/2339326/HĐTD ngày 20 tháng 6 năm 2019. Giá trị hạn mức thấu chi là 39.000.000.000 đồng, thời hạn thấu chi 12 tháng, lãi suất tại thời điểm cấp thấu chi là 6,7% / năm. Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(2) Hợp đồng hỗ trợ vốn ngày 10/6/2019; lãi suất là 0,1%/năm, tiền lãi được trả hàng năm; hai bên thống nhất vay và cho vay là không có kỳ hạn, đáo hạn khi bên cho vay có nhu cầu rút vốn.

5.21 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	326.000.000.000	1.523.000.000	(52.806.488.248)	274.716.511.752
Lãi trong năm trước			53.639.037.243	53.639.037.243
Số dư tại 31/12/2018	326.000.000.000	1.523.000.000	832.548.995	328.355.548.995
Số dư tại 01/01/2019	326.000.000.000	1.523.000.000	832.548.995	328.355.548.995
Lãi trong kỳ	-	-	1.782.893.039	1.782.893.039
Số dư tại 30/6/2019	326.000.000.000	1.523.000.000	2.615.442.034	330.138.442.034

b. **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương	65.224.000.000	65.224.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	260.776.000.000	260.776.000.000
Tổng	326.000.000.000	326.000.000.000

c. **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	326.000.000.000	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	326.000.000.000	326.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/6/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng, tầng hầm	9.163.037.214	11.871.331.120
Doanh thu Hợp đồng xây dựng, kinh doanh BĐS	69.475.196.149	109.565.517.020
Tổng	78.638.233.363	121.436.848.140

5.23 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	12.299.047.397	13.167.808.862
Giá vốn hợp đồng xây dựng	62.587.006.917	104.206.134.689
Tổng	74.886.054.314	117.373.943.551

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	281.573.867	423.586.013
Lãi bán các khoản đầu tư	1.376.755.355	-
Tổng	1.658.329.222	423.586.013

5.25 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền vay	445.597.417	38.353.131
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	51.451.092
Tổng	445.597.417	89.804.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí bán hàng	114.534.350	132.735.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.534.350	122.996.981
Chi phí bằng tiền khác	-	9.738.416
Chi phí quản lý	2.621.909.401	1.933.135.520
Chi phí nhân viên quản lý	1.466.465.068	1.340.253.969
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.367.737	3.410.909
Thuế phí và lệ phí	239.542.023	95.977.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.452.296	335.545.889
Chi phí bằng tiền khác	227.082.277	157.947.058
Tổng	2.736.443.751	2.065.870.917

5.27 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	94.550.000	110.423.851
Tổng	94.550.000	110.423.851
Chi phí khác		
Chi phí khác	75.520.643	869.345
Tổng	75.520.643	869.345
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	19.029.357	109.554.506

5.28 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.247.496.460	2.440.369.968
Các khoản điều chỉnh tăng	75.520.643	-
<i>Chi phí phạt chậm nộp</i>	75.520.643	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.440.369.968
<i>Bù lỗ</i>	-	2.440.369.968
Lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	2.323.017.103	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	464.603.421	-
Thuế TNDN năm trước chuyển sang	-	-
Tổng	464.603.421	-

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương	- Ông Nguyễn Hoàng Linh (chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc Công ty) đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương - Ông Nguyễn Đỗ Lăng (thành viên Hội đồng Quản trị) đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương sở hữu 100% vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương sở hữu 99,99% vốn
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Công ty con

Số dư với các bên liên quan

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương	55.928.159.908	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	4.872.854.500	1.987.241.879
	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương	721.884.250	721.884.250
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	81.803.566.276	149.870.595.277
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	1.631.708.900	1.470.124.751
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	14.431.370.877	1.202.287.271

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
	<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
	<u>ngày 30/6/2019</u>	<u>ngày 30/6/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	466.441.447	746.445.859
Tổng	466.441.447	746.445.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương	44.084.423.975	
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	7.142.706.643	100.115.968.522
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	26.443.638.719	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giao dịch tài chính		
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	97.740.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái Bình Dương	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	-	7.000.000.000

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính VND		
	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	Tổng
DOANH THU			
Tổng doanh thu	11.871.331.120	109.565.517.020	121.436.848.140
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-
Doanh thu	11.871.331.120	109.565.517.020	121.436.848.140
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	(1.296.477.742)	5.359.382.331	4.062.904.589
Doanh thu tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	423.586.013
Chi phí tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	(89.804.223)
Lợi nhuận khác không liên quan đến hoạt động SXKD			109.554.506
Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	-	-	(2.065.870.917)
Lợi nhuận trong kỳ			2.440.369.968

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019:

Chỉ tiêu	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	<i>Đơn vị tính VND</i>
			Tổng
DOANH THU			
Tổng doanh thu	9.163.037.214	69.475.196.149	78.638.233.363
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-
Doanh thu	9.163.037.214	69.475.196.149	78.638.233.363
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	(3.136.010.183)	6.888.189.232	3.752.179.049
Doanh thu tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	1.658.329.222
Chi phí tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	(445.597.417)
Lợi nhuận khác không liên quan đến hoạt động SXKD	-	-	19.029.357
Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	-	-	(2.736.443.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(464.603.421)
Lợi nhuận trong kỳ			1.782.893.039

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	<i>Đơn vị tính VND</i>
			Tổng
TÀI SẢN			
Chi phí trả trước	6.855.018.191	-	6.855.018.191
Bất động sản đầu tư	120.615.743.511	-	120.615.743.511
Các khoản phải thu	55.643.727.268	132.238.131.028	187.881.858.296
Hàng tồn kho	-	14.375.153.463	14.375.153.463
Tài sản không thể phân bổ	-	-	113.916.957.639
Tổng tài sản			443.644.731.100
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	10.296.889.573	84.677.643.667	94.974.533.240
Phải trả tiền vay	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	20.314.648.865
Tổng nợ phải trả			115.289.182.105

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	<i>Đơn vị tính VND</i>
			Tổng
TÀI SẢN			
Chi phí trả trước	6.331.443.977	22.073.725.870	28.405.169.847
Bất động sản đầu tư	119.046.419.295	-	119.046.419.295
Các khoản phải thu	1.254.853.130	158.657.010.975	159.911.864.105
Hàng tồn kho	-	235.846.401.375	235.846.401.375
Tài sản không thể phân bổ	-	-	297.131.674.155
Tổng tài sản			840.341.528.777
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	2.119.546.317	395.121.306.191	397.240.852.508
Phải trả tiền vay	-	-	107.613.823.800
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	5.348.410.435
Tổng nợ phải trả			510.203.086.743

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 đã được soát xét.

Người lập



Lã Thị Quy

Kế toán trưởng



Lã Thị Quy

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Linh

